TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2019/QĐST-HNGĐ	*Quảng Điền, ngày 18 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018, về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Mạnh H, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Ấp Bình L, xã Lộc A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị Lê Thị D, sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Thôn An Xuân Đ, xã Quảng A, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Mạnh H và chị Lê Thị D chung sống và đăng ký kết hôn tại Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 04/7/2005 của Ủy ban nhân dân xã Đông S, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Do đó hôn nhân của anh H là chị D là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng sống mỗi người một nơi từ năm 2017 đến nay đã khoảng 02 năm, không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau và các bên cũng đã ổn định cuộc sống riêng, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân giữa anh H và chị D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, sống bỏ mặc nhau nên cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh H và chị D.

[2] Về con chung: Anh Trần Mạnh H và chị Lê Thị D xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Trần Danh Hoàng P, sinh ngày 07/11/2003, hiện nay đang sống cùng chị D. Các đương sự thỏa thuận khi ly hôn, giao cháu P cho chị D tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành tròn 18 tuổi, anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với nguyện vọng của con chung nên cần được ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Mạnh H và chị Lê Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về lệ phí: Anh Trần Mạnh H và chị Lê Thị D thỏa thuận chị D chịu lệ phí là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Mạnh H và chị Lê Thị D.

- Về con chung: Giao cháu Trần Danh Hoàng P, sinh ngày 07/11/2003 cho chị Lê Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P trưởng thành tròn 18 tuổi.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Dung tự nguyện chịu lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà chị Dung đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2013/005069 ngày 20/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Điền. Chị Dung đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND Quảng Điền;
- Chi cục THADS Quảng Điền;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Trương Cao Sơn